

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông, như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế do ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện hoạt động khuyến nông thuộc các lĩnh vực sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, dịch vụ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, ngư nghiệp, thủy nông, cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sản xuất: Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hoá, nông dân thuộc diện hộ nghèo; chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã; công nhân nông, lâm trường; doanh nghiệp vừa và nhỏ;

2. Tổ chức khuyến nông trong nước và nước ngoài thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8/01/2010 của Chính phủ;

3. Người hoạt động khuyến nông tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8/01/2010 của Chính phủ;

4. Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến nông

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước;

2. Thu từ thực hiện các hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông;
3. Tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;
4. Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Kinh phí khuyến nông Trung ương được sử dụng cho những hoạt động khuyến nông do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và thực hiện ở quy mô vùng, miền và quốc gia phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp toàn quốc theo chương trình, dự án khuyến nông được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt. Kinh phí khuyến nông hàng năm ưu tiên cho các lĩnh vực do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định (trong đó có lĩnh vực giảm tổn thất sau thu hoạch). Hoạt động khuyến nông theo quy mô vùng, miền, quốc gia do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

Kinh phí khuyến nông địa phương được sử dụng cho những hoạt động khuyến nông do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý và thực hiện tại địa phương phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp của địa phương theo chương trình, dự án khuyến nông được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện phê duyệt. Kinh phí khuyến nông hàng năm ưu tiên cho các lĩnh vực do Chủ tịch UBND cấp tỉnh xác định (trong đó có lĩnh vực giảm tổn thất sau thu hoạch).

2. Dự án khuyến nông thực hiện theo phương thức xét chọn hoặc đấu thầu cạnh tranh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với kinh phí khuyến nông Trung ương), Ủy ban nhân dân các cấp (đối với kinh phí khuyến nông địa phương);

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí, quy trình xét chọn hoặc đấu thầu cạnh tranh các dự án khuyến nông Trung ương; Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định tiêu chí, quy trình xét chọn hoặc đấu thầu cạnh tranh các dự án khuyến nông địa phương;

Mọi tổ chức khuyến nông, người hoạt động khuyến nông được tham gia đấu thầu cạnh tranh, đăng ký xét chọn các dự án khuyến nông.

3. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông phải công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng hưởng thụ theo quy định hiện hành;

4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến nông phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông Trung ương:

Các tổ chức thực hiện và người sản xuất sử dụng kinh phí khuyến nông từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động khuyến nông phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan Nhà nước có

thẩm quyền ban hành và theo đúng cam kết với cơ quan khuyến nông. Thông tư này hướng dẫn cụ thể thêm một số nội dung chi sau:

1. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo:

1.1. Đối tượng:

a. Người sản xuất, bao gồm: Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hoá, nông dân thuộc diện hộ nghèo; chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã; công nhân nông, lâm trường; doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa tham gia chương trình đào tạo dạy nghề do nhà nước hỗ trợ;

b. Người hoạt động khuyến nông là cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8/01/2010 của Chính phủ.

1.2. Nội dung chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo, gồm:

Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng.

1.3. Mức hỗ trợ:

a. Đối với người sản xuất:

(1) Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 70.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại tỉnh, thành phố; không quá 50.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại huyện, thị xã; không quá 25.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ tiền đi lại theo giá giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khoá học đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên; đối với nơi không có phương tiện giao thông công cộng thanh toán theo mức khoán tối đa không quá 150.000 đồng/người/khoá học.

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí.

(2) Người nông dân sản xuất hàng hoá, chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% theo mức quy định tại tiết (1), điểm a, mục 1.3 trên đây;

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí.

(3) Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học khi tham dự đào tạo.

b. Đối với người hoạt động khuyến nông khi tham gia bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo được hỗ trợ:

(1) Người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học;

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí.

(2) Người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở cho người học theo mức quy định tại tiết (1), điểm a, mục 1.3 trên đây.

c. Chi bồi dưỡng giảng viên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 7/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thời gian đào tạo, mức chi trả thù lao cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật của từng lớp học đối với những hoạt động khuyến nông phù hợp với yêu cầu của từng loại hình đào tạo

2. Chi thông tin tuyên truyền: Nhà nước hỗ trợ kinh phí thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân có dự án thông tin tuyên truyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác khuyến nông; phổ biến tiến bộ khoa học và công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến; thông qua:

a. Phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, Tạp chí khuyến nông: Hàng năm căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho công tác tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng chương trình tuyên truyền về hoạt động khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, Tạp chí khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện theo theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

Đối với Tạp chí khuyến nông: Căn cứ nhu cầu thông tin trên Tạp chí khuyến nông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đối tượng và kinh phí đặt hàng Tạp chí khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông trung ương, cung cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông Trung ương và cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ khuyến nông do Trung ương quản lý, Trung tâm khuyến nông tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được uỷ quyền phê duyệt đối tượng và kinh phí đặt hàng Tạp chí khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương, cung cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông của địa phương, đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ khuyến nông do địa phương quản lý.

b. Diễn đàn khuyến nông: Chi thuê hội trường; tài liệu; tiền nước uống, báo cáo viên; hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho đại biểu tham gia diễn đàn.

Mức hỗ trợ đại biểu tham gia diễn đàn theo quy định tại mục 1.3, khoản 1, Điều 5 của Thông tư này; Mức chi nước uống, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành về chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

c. Hội nghị: Hội nghị tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông vùng. Mức chi theo quy định hiện hành.

d. Chi hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chi thông tin tuyên truyền hội chợ; chi hoạt động của Ban tổ chức.

đ. Chi hội thi về các hoạt động khuyến nông cấp vùng, cấp quốc gia: Thông tin, truyền truyền, thuê hội trường, trang thiết bị, văn phòng phẩm; chi ban giám khảo chấm thi; chi hội đồng tư vấn khoa học, soạn câu hỏi và đáp án; chi khai mạc, bế mạc; chi thức ăn, hoá chất, vật tư, dụng cụ phục vụ cuộc thi (nếu có); Chi đạo diễn và biên tập chương trình thi; chi hỗ trợ đưa đón thi sinh dự thi và chi khác;

e. Xây dựng và quản lý dữ liệu hệ thống thông tin khuyến nông: Chi thuê đường truyền, mua phần mềm, cập nhật số liệu, bảo trì, bảo mật và các khoản chi khác (nếu có).

3. Chi xây dựng các mô hình trình diễn về khuyến nông:

3.1. Nội dung:

a. Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với quy mô cấp vùng, miền, quốc gia;

b. Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với quy định của Luật Công nghệ cao;

c. Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

3.2. Mức hỗ trợ:

a. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến và nhân rộng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất quy mô cấp vùng, miền, quốc gia

(1) Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn: ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo, được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm các loại phân bón, hoá chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản); ở địa bàn trung du miền núi, bãi ngang được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu; ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu.